

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS - PT
Ngày: 09/4/2021
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và nợ hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Hồ Văn Luông

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 179/2020/TLPT - DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và nợ hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2020/DS - ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐ - PT ngày 08 tháng 02 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2021/QĐPT - DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị P, sinh năm: 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2018): Ông Nguyễn Phúc E, sinh năm: 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang

2.2. Bà Võ Thị K, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lưu Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Lưu Thị P (do ông Nguyễn Phúc E đại diện) trình bày: Bà có tham gia hội do vợ chồng bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn H làm chủ, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất, hội mùa 5.000.000 đồng/03 tháng, khai ngày 10/9/2011, có 19 phần, bà P tham gia 01 phần. Bà P đóng hội đến ngày 10/12/2014 được 14 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng thì ông H, bà K ngưng dây hội này. Ông H, bà K trả cho bà P được 20.000.000 đồng và còn nợ lại bà P 50.000.000 đồng.

Dây thứ hai, hội tháng 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/3/2013, có 25 phần, bà P tham gia 01 phần đóng được 23 lần với tổng số tiền là 46.000.000 đồng thì ngưng hội, ông H, bà K trả cho bà được 32.000.000 đồng và nợ lại 14.000.000 đồng.

Dây thứ ba, hội tháng 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 28/4/2014, có 21 phần, bà P tham gia 02 phần đóng được 05 lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng thì ngưng hội, dây hội này ông H, bà K không trả tiền hội cho bà.

Ngoài ra, vào tháng 7/2014 ông H, bà K còn vay của bà P số tiền 26.000.000 đồng, khi vay không có làm giấy tờ.

Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị K trả cho bà P tổng cộng số tiền hội 84.000.000 đồng và 32.240.000 đồng tiền vay (tiền vốn 26.000.000 đồng và lãi suất 6.240.000 đồng).

Bị đơn bà Võ Thị K trình bày: Trước đây bà làm chủ hội bà P là hội viên. Năm 2013, bà bị bế hội và từ đó đến nay không mở hội nữa. Sau khi bế hội, bà nợ bà P 03 dây hội (01 chân hội 03 tháng 5.000.000 đồng, 01 chân hội 01 tháng 2.000.000 đồng, 02 chân hội 01 tháng 2.000.000 đồng). Bà không nhớ rõ cụ thể thiếu bà P từng chân bao nhiêu, nhưng tổng cộng số tiền là 52.000.000 đồng (chỉ tính tiền vốn, không tính lãi). Năm 2015, bà K có thỏa thuận bằng văn bản cần trừ hội những người nợ hội, cụ thể: Bà P nhận của bà Loan 29.000.000 đồng; bà trả cho bà P 15.000.000 đồng; Bà P nhận của bà Thuyền (cùng ấp) 8.000.000 đồng. Thỏa thuận còn ghi rõ bà K không còn thiếu nợ bà P.

Đối với tiền vay là không có. Số tiền 26.000.000 đồng là tiền lãi đối với số vốn là 100.000.000 đồng. Bà K đã trả xong số tiền vốn 100.000.000 đồng. Biên nhận photo mà bà P cung cấp không đầy đủ nội dung. Biên nhận gốc công an xã B đang lưu giữ. Bà cho rằng đã trả xong nợ cho bà P nên không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông là chồng của bà Võ Thị K. Ông có biết việc bà P có tham gia hội do bà K làm chủ hội. Tuy nhiên, việc bà P tham gia hội cụ thể như thế nào thì ông hoàn toàn không biết. Ông không có đứng ra nhận tiền hội, giao hội cho ai cũng như không có tổ chức khai hội. Ông không có làm bất cứ biên nhận hay thỏa thuận gì đối với bà P, đối với số tiền vay đã trả xong cho bà P. Do đó, ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2020/DS - ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị P yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị K trả số tiền hội là 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng) và tiền vay 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 6.240.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn bà Lưu Thị P có đơn kháng cáo với nội dung như sau: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hội 84.000.000 đồng, tiền vay 26.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đối với khoản vay là 6.240.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Lưu Thị P. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lưu Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị K trả số tiền hội và tiền vay, bị đơn cư trú tại ấp 4, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay và nợ hội theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn bà Lưu Thị P có đơn kháng cáo hợp lệ và còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với số tiền nợ hội

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất với nhau các bên có tham gia chơi hội. Các dây hội như nguyên đơn đã trình bày, nguyên đơn là người tham gia chơi hội do bị đơn làm chủ. Bị đơn đã đình hội và hai bên đã chốt nợ hội lại. Nguyên đơn thừa nhận đã nhận tiền hội do bị đơn trả là 52.000.000 đồng, phù hợp với sự thừa nhận của bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền hội là 52.000.000 đồng là tiền gốc không có tính lãi, đồng thời đã cắt trừ hội từ bà Loan 29.000.000 đồng, bà Thiên 8.000.000 đồng, bà K trả cho bà P 15.000.000 đồng. Tổng cộng bà K đã thanh toán tiền hội cho bà P 52.000.000 đồng nên bị đơn không còn nợ hội đối với nguyên đơn.

Việc bị đơn và nguyên đơn thống nhất đối với số tiền nợ hội 52.000.000 đồng là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ đối với 03 dây hội nguyên đơn đã đóng hội với số tiền 84.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần hội là có căn cứ.

[3.2] Đối với số tiền vay

Nguyên đơn cho rằng vào tháng 7/2014 có cho bị đơn vay số tiền 26.000.000 đồng đến nay cũng không trả, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 26.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh.

Bị đơn cho rằng số tiền 26.000.000 đồng là tiền lãi đối với số tiền bà K, ông H đã vay là 100.000.000 đồng. Đối với số tiền này bị đơn đã trả xong nên bị đơn không thừa nhận và không đồng ý trả cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H thừa nhận hai bên đã thỏa thuận chốt nợ tại Công an xã B, huyện V và xuất trình chứng cứ là “Biên nhận” ngày 11/12/2015 (bản photocopy) có sự chứng kiến của Công an xã B. Nội dung biên nhận như sau:

“Hôm nay, vào lúc 14h40 ngày 11.12.2015. Tại cơ quan công an chúng tôi tiến hành giao và nhận tiền đúng theo lời thỏa thuận như trên.

Bên giao: Ông Nguyễn Văn H có giao đủ số tiền 22.800.000đ (hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng) cho bà Lưu Thị P trước sự chứng kiến của Công an xã.

Còn lại số tiền 26.000.000 đ lời sẽ trả và nhận đúng như theo tờ thỏa thuận ngày 04.12.2015 giữa ông H và bà P.

Hai bên có giao và nhận tiền đầy đủ trước sự chứng kiến của Công an xã B và không có ai yêu cầu gì thêm”.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H xác định đã trả hết nợ cho nguyên đơn bà Lưu Thị P. Bà P chỉ thừa nhận ông H đã trả số tiền 22.800.000 đồng, còn số tiền 26.000.000 đồng ông H không thực hiện theo thỏa thuận nên Công an xã B đã chuyển hồ sơ cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện V để hòa giải.

Tại Công văn số 02/CV.CAX ngày 31/5/2019 của Công an xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang xác định:

“- Thứ nhất về cung cấp bản gốc (hoặc bản sao có chứng thực) biên nhận ngày 11/12/2015 (tranh chấp giữa bà Lưu Thị P và bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn H): Sau khi vụ việc tranh chấp xảy ra CAX B có đứng ra làm trung gian hòa giải giữa 02 bên và có làm biên bản thỏa thuận, sau đó do bên ông H không thực hiện đúng như thỏa thuận giữa 02 bên nên CAX B đã chuyển toàn bộ hồ sơ có liên quan cho Ban hòa giải xã B để thụ lý...”

Lời xác nhận của Công an xã B hoàn toàn phù hợp với lời xác nhận của ông Huỳnh Văn G (là công an viên, người đứng ra hòa giải cho ông H và bà P tại Công an xã B). Tại biên bản làm việc ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, ông Huỳnh Văn G xác nhận nội dung như sau: *“Tổng số tiền ông H và bà K thiếu bà P là 48.800.000 đồng. Vào ngày 11/12/2015, bà P có nhận số tiền 22.800.000 đồng của ông H tại Công an xã B. Số tiền còn lại 26.000.000 đồng, chia làm 02 đợt, nhưng tôi không biết bà K và ông H đã trả cho bà P chưa”.* Như vậy, do ông H và bà K không thực hiện theo thỏa thuận trả số tiền 26.000.000 đồng cho bà P nên Công an xã B mới chuyển hồ sơ về Ủy ban nhân dân xã B để thụ lý.

Việc ông H và bà K xác định đã trả xong nợ cho bà P nhưng không có tài liệu chứng cứ, chứng minh. Nên bà P khởi kiện yêu cầu bà K và ông H trả nợ số tiền 26.000.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên bà Lưu Thị P yêu cầu tính lãi trên số tiền 26.000.000 đồng là không có căn cứ. Bởi đối với số tiền nợ này các bên đã chốt nợ gồm có cả tiền lãi vay từ thời điểm 11/12/2015 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện, do các bên không yêu cầu tính thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nhưng nguyên đơn bà Lưu Thị P có quyền đòi lại số tiền 26.000.000 đồng.

Tại Công văn số 94 - CV/UBND ngày 26/8/2019 của UBND xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang xác định nội dung như sau:

“- Biên nhận ngày 11/12/2015 (tranh chấp giữa bà Lưu Thị P và bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn H); tra cứu tại hồ sơ lưu của đơn vị, hồ sơ nêu trên không còn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã.

- Biên nhận ngày 04/12/2018 (tranh chấp giữa bà Lưu Thị P và bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn H); tra cứu tại hồ sơ lưu của đơn vị, hồ sơ nêu trên không còn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã”.

Như vậy, không thể buộc nguyên đơn phải chứng minh bằng bản gốc hai biên nhận nêu trên.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lưu Thị P, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Lưu Thị P số tiền 26.000.000 đồng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Lưu Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Về án phí dân sự phúc thẩm, không ai phải chịu.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền hui của nguyên đơn không được chấp nhận nên chi phí giám định buộc nguyên đơn bà Lưu Thị P phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Lưu Thị P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị P yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị K trả số tiền 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Buộc bị đơn Nguyễn Văn H, bà Võ Thị K trả số tiền 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) cho nguyên đơn bà Lưu Thị P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị P yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn H, bà Võ Thị K trả số tiền nợ hui 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng) và đối với phần yêu cầu tính lãi suất trên số nợ vay 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Lưu Thị P phải chịu số tiền 4.512.000 đồng (Bốn triệu năm trăm mười hai nghìn đồng). Bà Lưu Thị P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.906.000 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0020877 ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang, bà Lưu Thị P tiếp tục nộp số tiền là 1.586.000 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

3.2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị K phải chịu 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

4. Về chi phí giám định: Buộc nguyên đơn bà Lưu Thị P phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bà Lưu Thị P đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Hoàn lại cho bà Lưu Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Lưu Thị P đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001239 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 09/4/2021).

***Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. V;
- Chi cục THADS H. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng